

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lương Ngọc Biên;
2, Bà Đinh Thị Thu Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Y

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lại Thị H, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Lại Thị H trình bày:** Chị và anh X lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng chị không đăng ký kết hôn. Chị và anh X chung sống với từ năm 1996. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Sau khi cưới được khoảng 5 năm thì vợ chồng vào Nam sinh sống và làm ăn đến năm 2003 về quê chồng sinh sống. Năm 2006 vợ chồng lại tiếp tục vào Nam sinh sống đến năm 2009 thì vợ chồng về ở tại nhà anh X từ đó đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng nhiều lần anh X đánh đập chị, chị đã bỏ về nhà để ở nhiều lần, nhưng chị nghĩ thương con vì vậy chị cố chịu đựng. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn do anh X nghiện ma túy, anh X xin tiền chị không cho dẫn đến anh X thường xuyên đánh đập chị. Tháng 2/2020,

chị thấy có mấy mảnh giấy bạc, chị vứt đi thì anh X túm tóc chị đánh chị, chị bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh X là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/02/2000 và cháu Nguyễn Văn R, sinh ngày 23/4/2004. hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình và ở riêng. Còn cháu R thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu vì cháu đã lớn. Nếu cháu ở với chị thì chị nuôi cháu và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Đất là của bố mẹ chồng, vợ chồng có xây nhà hai tầng trên diện tích đất. Khi ly hôn chị không yêu cầu chia về tài sản chung

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H trình bày: chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh X là vợ chồng. Về con chung chị đồng ý với nguyện vọng của cháu R ở với anh X, về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn X trình bày:** Anh và chị H lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng anh không đăng ký kết hôn. Anh và chị H chung sống với từ năm 1996, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn do đôi lúc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh không dính vào tệ nạn xã hội như cờ bạc, matúy. Những lúc vợ chồng mâu thuẫn anh có đánh chị H, hiện chị H về nhà mẹ đẻ chị H ở khoảng từ tháng 2/2020, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đã nhiều lần gọi điện thoại bảo chị H về chung sống nhưng chị H không về. Nay chị H làm đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng, nếu chị H cương quyết thì anh cũng đồng ý.

+ Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/02/2000 và cháu Nguyễn Văn R, sinh ngày 23/4/2004. hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình và ở riêng. Còn cháu R, hiện đang ở với anh, khi ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm nghề tự do, thu nhập của anh mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, Khi ly hôn anh không yêu cầu về tài sản chung

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh X trình bày: Anh không muốn bỏ vợ, nhưng chị H cương quyết thì anh cũng đồng ý, bản thân anh không mắc vào các tệ nạn xã hội như

chị H trình bày, anh không nghiện ma túy. Về con chung, cháu R có nguyện vọng ở với anh thì anh đồng ý, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, hiện tại anh làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Văn R trình bày:*** Khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với bố.

*** *Tài liệu chứng cứ thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ông Nguyễn Văn Vinh và bà Phạm Thị Ưu là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn X trình bày: Chị H và anh X về chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn chị H lại về nhà mẹ đẻ chị H ở. Khoảng tháng 2 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn chị H bỏ về nhà mẹ đẻ chị H ở từ đó đến nay, chị H làm đơn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị H và anh X có hai con chung, cháu T đã lớn xây dựng gia đình ở riêng, còn cháu R hiện đang đi học nghề cắt tóc ở thành phố B, từ khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ chị H ở thì cháu R ở với anh X. Chị H anh X ly hôn, về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ, chị H và anh X không có.

+ Tại bản xác minh ông Nguyễn Văn T, phó thôn T, xã Đ, huyện Y cung cấp: Chị H và anh X có hộ khẩu tại địa phương, ở địa phương chị H và anh X chấp hành tốt các quy định của địa phương đề ra, hiện nay địa phương không thấy chị H ở cùng với anh X, vợ chồng mâu thuẫn cũng không báo gì do vậy địa phương không rõ. Nay chị H và anh X ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H, anh X có hai con chung, cháu thứ hai đang ở cùng với anh X. Về tài sản chung và công nợ, địa phương không rõ.

+ Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Lại Thị H và anh Nguyễn Văn X là vợ chồng; Về nuôi con chung: Giao cho anh X nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn R, sinh ngày 23/4/2004. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là trái với qui định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H xác định cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh X nghiện ma túy, tháng 2 năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị H ở. Còn anh X xác định vẫn còn tình cảm với chị H, trong cuộc sống vợ chồng thì có xảy ra mâu thuẫn, có lần anh đánh chị H nhưng chưa đến mức phải đi viện. Chị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh X là vợ chồng, anh X đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với qui định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị H và anh X có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/02/2000 và cháu Nguyễn Văn R, sinh ngày 23/4/2004. Hiện nay cháu T đã xây dựng gia đình và ở riêng. Còn cháu R thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu vì cháu đã lớn. Nguyện vọng của cháu R là muốn được ở với anh X và hiện tại cháu R đang do anh X nuôi dưỡng từ khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ chị H ở. Để cuộc sống của cháu R được chăm sóc ổn định, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu và theo nguyện vọng của cháu R thì cần giao cháu R cho anh X nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh X không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu

[5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lại Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Không công nhận chị Lại Thị H và anh Nguyễn Văn X là vợ chồng.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn R, sinh ngày 23/4/2004 cho anh Nguyễn Văn X nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2.3. Về án phí: Chị Lại Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0004224 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị H đã thi hành xong án phí DSST.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y,
- CCTHA dân sự huyện Y,
- UBND xã Đ, huyện Y,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Ngô Thị Thanh Hảo